

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM-CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Mã chứng khoán: GVR

Địa chỉ trụ sở chính: 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, quận 3, Tp.HCM

Địa chỉ giao dịch: 177 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: 84.8.39325234

Fax: 84.8.39327341

Email: [vrg@rubbergroup.vn](mailto:vrg@rubbergroup.vn)

Website: [www.rubbergroup.vn](http://www.rubbergroup.vn)

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Văn Hối Em

Chức vụ: Kế toán trưởng, Trưởng Ban tài chính kế toán Tập đoàn, kiêm Tổ trưởng Tổ công bố thông tin và quan hệ Cổ đông.

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo năm 2020 có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên của Công ty mẹ Tập đoàn.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn tại đường dẫn: <https://rubbergroup.vn/quanhecodong/conbothongtin>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT TĐ (để b/c);
- TGD TĐ (để b/c);
- Ban kiểm soát TĐ;
- Tổ quản trị TĐ;
- Phòng CNTT;
- Lưu: VT, CBTT.

**TL.TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG BAN TCKT**



**Phạm Văn Hối Em**

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 874 /CSVN-CBTT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế của KQ SXKD trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên của Công ty mẹ Tập đoàn.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng Tp.Hồ Chí Minh

Công ty: **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM-CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã chứng khoán : GVR

Địa chỉ trụ sở chính: 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, quận 3, Tp.HCM

Địa chỉ giao dịch : 177 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, Tp.HCM

Người đại diện : Ông Huỳnh Văn Bảo

Chức vụ: Tổng giám đốc

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo năm 2020 có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên của Công ty mẹ Tập đoàn (Lợi nhuận trước kiểm toán 3.136 tỷ đồng so với lợi nhuận sau kiểm toán 2.963 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận tập trung phải thu về Công ty mẹ Tập đoàn từ một số công ty TNHH MTV 100% vốn của Tập đoàn giảm so với báo cáo.

Trên đây là giải trình của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo năm 2020 có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên của Công ty mẹ Tập đoàn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT TĐ (để b/c);
- Lưu: VT; CBTT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
DOANH NGHIỆP**



**Huỳnh Văn Bảo**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Quý IV/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/10/2020	Từ ngày 01/10/2019	Năm 2020	Năm 2019
			đến ngày 31/12/2020	đến ngày 31/12/2019		
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	406.786.166.792	383.822.469.530	939.070.593.249	905.187.171.920
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		406.786.166.792	383.822.469.530	939.070.593.249	905.187.171.920
11	4. Giá vốn hàng bán	23	376.490.896.699	357.771.369.626	866.992.560.084	831.701.073.142
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.295.270.093	26.051.099.904	72.078.033.165	73.486.098.778
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.514.802.917.899	1.922.991.694.445	3.546.329.303.456	2.967.748.613.342
22	7. Chi phí tài chính	25	91.141.554.625	135.687.496.047	289.407.422.372	219.601.611.884
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.577.127.757	11.995.250.680	15.522.589.720	18.272.458.809
25	8. Chi phí bán hàng	26	672.328.673	324.692.198	1.106.559.910	1.137.612.651
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	72.987.635.832	64.901.193.308	203.626.080.159	220.143.500.975
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.380.296.668.862	1.748.129.412.796	3.124.267.274.180	2.600.351.986.610
31	11. Thu nhập khác	28	5.173.854.455	1.398.267.201	11.988.916.711	4.532.140.281
32	12. Chi phí khác		-	13.980.266.450	-	13.980.266.450
40	13. Lợi nhuận khác		5.173.854.455	(12.581.999.249)	11.988.916.711	(9.448.126.169)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.385.470.523.317	1.735.547.413.547	3.136.256.190.891	2.590.903.860.441
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.385.470.523.317	1.735.547.413.547	3.136.256.190.891	2.590.903.860.441

Người lập biểu



Phạm Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Phạm Văn Hồi Em

